

Bản án số: 447/2026/HSST
Ngày: 22/07/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Bình Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trà.

2. Bà Võ Thị Kim Hiền.

Thư ký phiên tòa: Ông Chiêm Tiền Quý Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 -Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 509/2026/TLST-HS ngày 24/6/2026 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2026/QĐXXST-HS ngày 03/7/2026 đối với các bị cáo:

1/ **Thi Đức Q**, Sinh năm: 2000 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha (Vô danh) và bà Thi Tiêu T (chết); Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 27/12/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 1 (nay là Tòa khu vực 1), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 182/2022/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/7/2025.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 11/3/2026; (Có mặt).

2/ **Nguyễn Tấn P**; sinh năm: 2000 tại Đồng Tháp; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Phòng trọ A6 của nhà cho thuê, địa chỉ C A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Châu Thị Trúc L; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 11/3/2026; (Có mặt).

3/ **Nguyễn Hồ Thanh T1**; sinh năm: 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 36A/2 đường G Hồ N, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: B A, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T2 và bà Hồ Thị Nguyệt L1; Hoàn cảnh gia đình: Có chồng (Không rõ họ tên) và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/4/2017, bị U, Quận A (nay là phường M), Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 28/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại phường với thời hạn 06 tháng từ ngày 26/4/2017 đến ngày 26/10/2017.

Bị cáo bị bắt ngày 11/3/2026; (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Chị Lê Nguyễn Bảo Y, sinh năm: 2007; địa chỉ: B B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/02/2026, bị cáo Thi Đức Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59UA-093.78, màu xám từ xưởng làm đi về. Khi lưu thông trên đường K thuộc phường A, bị cáo Q phát hiện chị Lê Nguyễn Bảo Y đang điều khiển xe đạp điện phía trước cùng chiều, sau lưng chị Y đeo một ba lô màu xám, ngăn bên hông phải ba lô có một điện thoại di động Iphone 15 màu hồng nhô lên khoảng 1/3, bị cáo Q nảy sinh ý định cướp giật điện thoại nên điều khiển xe chạy theo. Khi đến trước nhà không số cạnh nhà số E đường K, phường A, Q điều khiển xe chạy lên áp sát phía bên phải chị Y, dùng tay trái giật điện thoại di động Iphone 15 màu hồng của chị Y rồi nhanh chóng điều khiển xe mô tô tẩu thoát, chị Y tri hô đuổi theo nhưng không kịp. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo Q gọi điện thoại cho bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1 nói mới giật được 01 điện thoại di động nhờ bị cáo T1 tìm chỗ bán, bị cáo T1 đồng ý (lúc này bị cáo T1 và bị cáo P đang ở Phòng trọ A6 của nhà cho thuê, địa chỉ C A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo T1 rủ bị cáo Nguyễn Tấn P đi bộ ra gặp bị cáo Q tại quán nước ven đường kế nhà số B đường A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo Q nói với bị cáo T1 và bị cáo P là đã giật được điện thoại Iphone 15 màu hồng và đưa điện thoại cho bị cáo P tìm chỗ bán rồi đi về, còn bị cáo T1 gọi điện thoại cho Trần Q1 là chủ cửa hàng điện thoại tại địa chỉ C N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nói cần bán điện thoại Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB nhưng bị khóa Icloud do vay tiền

nhưng chưa trả nợ, anh Q1 đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng. Ngày 01/3/2026, anh Q1 bảo Nguyễn Anh Q2 là nhân viên của anh Q1 đến gặp bị cáo T1 để lấy điện thoại và Trần Q1 chuyển khoản cho bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1 3.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo T1 nhắn tin cho bị cáo Q nói chỉ bán được điện thoại 2.000.000 đồng và bị cáo T1 chuyển tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản cho bạn gái của bị cáo Q là Lý Ngọc P1. Sau khi nhận điện thoại về anh Q1 kiểm tra nghi ngờ điện thoại không chính chủ nên anh Q1 liên hệ với bị cáo T1 để trả lại điện thoại và đồng ý nhận 1.500.000 đồng, bị cáo T1 đồng ý nhận lại điện thoại và trả lại cho anh Q1 1.500.000 đồng. Qua điều tra truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra mời các bị cáo Q, T1, P làm việc.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ của vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59UA-093.78 do Lý Ngọc P1 đứng chủ sở hữu. Bị cáo Thi Đức Q mượn xe P1 thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, chị P1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị P1.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB của chị Lê Nguyễn Bảo Y.

Kết luận định giá tài sản số 1687/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân phường A kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB đã qua sử dụng, trị giá 10.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho Lê Nguyễn Bảo Y là chủ sở hữu.

- 01 áo thun dài tay màu đen; 01 quần ngắn màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám do bị cáo Q mặc khi thực hiện hành vi phạm tội;

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, dung lượng 128GB gắn sim 0779955693, số IMEI 356714117396511, IMEI2 356714117495586 của bị cáo Thi Đức Q.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, số máy: MTLLE3CH/A; số sê-ri: H2TFH4T4H0, dung lượng 128GB, số IMEI 356054490796734 của bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1.

- 01 điện thoại di động hiệu S A17, tên thiết bị: SM-A176D/BS; số sê-ri: R5CY818YMPD gắn sim số 1: 0707821623, sim số 2: 0377637456 của bị cáo Nguyễn Tấn P.

Các vật chứng trên còn lại, Cơ quan điều tra đã chuyển Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 tạm giữ, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Nguyễn Bảo Y đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường.

Tại cơ quan điều tra, Thi Đức Q, Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết quả diễn lại hành vi, biên bản xác định địa điểm, biên bản nhận dạng và vật chứng thu giữ.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKS-KV9 ngày 16 /6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo:

- Bị cáo Thi Đức Q3 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

- Các bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích nội dung vụ án, những tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đối với bị cáo Thi Đức Q: Áp dụng quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 tuyên bố bị cáo Thi Đức Q phạm tội “Cướp giật tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo Thi Đức Q hình phạt tù giam có thời hạn từ 05 năm đến 06 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1: Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1 hình phạt tù giam có thời hạn từ 01 năm đến 02 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn P: Áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025 tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P hình phạt tù giam có thời hạn từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xem xét: Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59UA-093.78 do Lý Ngọc P1 đứng chủ sở hữu. Bị cáo Thi Đức Q mượn xe chị P1 thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, chị P1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị P1 là có căn cứ nên ghi nhận.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB của chị Lê Nguyễn Bảo Y. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Y là chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun dài tay màu đen; 01 quần ngắn màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám. Xét các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, dung lượng 128GB gắn sim 0779955693, số IMEI 356714117396511, IMEI2 356714117495586. Do điện thoại trên bị cáo Q dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, số máy: MTLLE3CH/A; số sê-ri: H2TFH4T4H0, dung lượng 128GB, số IMEI 356054490796734. Do điện thoại trên bị cáo T1 dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn P 01 điện thoại di động hiệu Samsung A17, tên thiết bị: SM-A176D/BS; số sê-ri: R5CY818YMPD gắn sim số 1: 0707821623, sim số 2: 0377637456 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lê Nguyễn Bảo Y đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các bị cáo Q, T1, P không tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra truy tố các bị cáo Thi Đức Q, Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận, nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của điều tra viên, kiểm sát viên, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của họ đã thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng với tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Tài sản bị cáo Q chiếm đoạt có tổng giá trị 10.000.000 đồng; bị cáo Q phạm tội “Cướp giật tài sản” với thủ đoạn dùng xe gắn máy áp sát bị hại, nhanh chóng giật tài sản, nhanh chóng tẩu thoát và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; sau đó nhờ các bị cáo T1, P đi tiêu thụ tài sản do mình chiếm đoạt được. Do đó Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở pháp lý để kết luận bị cáo Thi Đức Q phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và 2025. Các bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và năm 2025 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 đã truy tố là có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là cố ý và nguy hiểm cho xã hội.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong vụ án do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 28/02/2026, tại trước nhà không số cạnh nhà số E đường K, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Thi Đức Q đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 59UA-093.78 áp sát bên phải chị Lê Nguyễn Bảo Y đang điều khiển xe đạp điện rồi dùng tay trái nhanh chóng giật lấy 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB trị giá 10.000.000 đồng. Sau khi giật được điện thoại di động, bị cáo Q nói cho các bị cáo T1, P biết điện thoại

mới cướp giật được và bán cho các bị cáo T1, P 2.000.000 đồng; các bị cáo T1, P bán lại được 3.000.000 đồng thì bị phát hiện bắt giữ.

Bị cáo Q phạm tội cướp giật tài sản với thủ đoạn dùng xe gắn máy áp sát bị hại, nhanh chóng giật tài sản, nhanh chóng tẩu thoát và chưa được xóa án tích là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025; các bị cáo T1, P biết tài sản do bị cáo Q phạm tội mà có nhưng vẫn cố tình mang đi tìm nơi tiêu thụ bán lấy tiền cùng bị cáo Q chia nhau tiêu xài, qua đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo vệ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính, bất chấp hậu quả xảy ra. Hiện nay trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tình hình tội phạm diễn biến hết sức phức tạp, số lượng những vụ án hình sự có dấu hiệu gia tăng làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, cần phải có mức án thật nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

Đây là vụ án “Cướp giật tài sản” do bị cáo Thi Đức Q thực hiện và vụ án “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” do các bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P thực hiện. Trong vụ án này, bị cáo Q là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; các bị cáo T1, P là người mang tài sản do bị cáo Q chiếm đoạt đi tiêu thụ, bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài nên hình phạt đối với bị cáo Q phải cao hơn các bị cáo còn lại.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo Q, T1, P có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện; tài sản đã thu hồi và đã trả lại cho người bị hại; bị cáo Q là dân tộc H; bị cáo T1 hiện đang nuôi các con còn nhỏ nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 (đối với bị cáo Q, T1) Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, năm 2025 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh các bị cáo khó khăn nên miễn phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Chị Lê Nguyễn Bảo Y được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa; qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chị Y đã nhận lại đủ tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Về mặt dân sự đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59UA-093.78 do Lý Ngọc P1 đứng chủ sở hữu. Bị cáo Thi Đức Q mượn xe chị P1 thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản”, chị P1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị P1 là có căn cứ nên ghi nhận.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB của chị Lê Nguyễn Bảo Y. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Y là chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu hủy 01 áo thun dài tay màu đen; 01 quần ngắn màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám. Xét các vật chứng trên không còn giá trị sử dụng.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, dung lượng 128GB gắn sim 0779955693, số IMEI 356714117396511, IMEI2 356714117495586. Do điện thoại trên bị cáo Q dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, số máy: MTLLE3CH/A; số sê-ri: H2TFH4T4H0, dung lượng 128GB, số IMEI 356054490796734. Do điện thoại trên bị cáo T1 dùng vào việc phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn P 01 điện thoại di động hiệu Samsung A17, tên thiết bị: SM-A176D/BS; số sê-ri: R5CY818YMPD gắn sim số 1: 0707821623, sim số 2: 0377637456 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với Trần Q1, Nguyễn Anh Q2 mua điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, dung lượng 128GB của các bị cáo T1, P nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Q1, Q2 là có cơ sở.

Đối với Lý Ngọc P1 cho bị cáo Thi Đức Q mượn xe mô tô biển số 59UA-093.78 và bị cáo Q sử dụng tài khoản của P1 để bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1 chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản của P1, P1 không biết bị cáo Q sử dụng xe mô tô và tài khoản vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với P1 là có căn cứ.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Thi Đức Q, Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Thi Đức Q 05 (Năm) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2026.

2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồ Thanh T1 01 (Một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2026.

3/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 01 (Một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2026.

4/ Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun dài tay màu đen; 01 quần ngắn màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax, màu vàng, dung lượng 128GB gắn sim 0779955693, số IMEI 356714117396511, IMEI2 356714117495586; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15, màu hồng, số máy: MTLLE3CH/A; số sê-ri: H2TFH4T4H0, dung lượng 128GB, số IMEI 356054490796734.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Tấn P 01 điện thoại di động hiệu Samsung A17, tên thiết bị: SM-A176D/BS; số sê-ri: R5CY818YMPD gắn sim số 1: 0707821623, sim số 2: 0377637456 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh đang tạm giữ vật chứng trên theo phiếu nhập kho vật chứng số PNK26/9-439BT ngày 10/6/2026).

5/ Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Thi Đức Q, Nguyễn Hồ Thanh T1, Nguyễn Tấn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7/ Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt

có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND KV9-TP.HCM;
- Trại tạm giam, trại giam;
- Phòng PV06 – Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Bình Thiện